

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 135/2008/TT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2008

THÔNG TƯ

Hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường

Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. Phạm vi, đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2008/NĐ-CP), được hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Lĩnh vực xã hội hóa bao gồm: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá; thể dục thể thao; môi trường.

2. Đối tượng điều chỉnh:

a) Các cơ sở ngoài công lập được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa, bao gồm:

- Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP của Chính phủ, bao gồm cơ sở dân lập và cơ sở tư nhân (hoặc tư thực đối với giáo dục - đào tạo, dạy nghề), hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa.

- Các cơ sở ngoài công lập đã được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập; Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đối với các dự án đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực xã hội hóa: Việc áp dụng các chính sách ưu đãi quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP thực hiện theo Quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.

(Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

II. Điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn cụ thể như sau:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực: Giáo dục - đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hoá; thể dục thể thao; môi trường phải thuộc danh mục loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ được hưởng các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

III. Nguyên tắc thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa tại Điều 4 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được thành lập, cấp phép hoạt động phải đảm bảo theo quy hoạch và đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá được quy định tại mục II của Thông tư này.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động theo nguyên tắc tự đảm bảo kinh phí.

3. Nhà nước thực hiện giao đất, cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; có chính sách hỗ trợ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực xã hội hóa đã tự thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

4. Nhà nước, xã hội coi trọng và đối xử bình đẳng trong hoạt động cũng như đối với các sản phẩm và dịch vụ của cơ sở thực hiện xã hội hóa như cơ sở công lập. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa được tham gia các dịch vụ công do nhà nước tài trợ, đặt hàng; tham gia đấu thầu nhận các hợp đồng, dự án sử dụng nguồn vốn trong và ngoài nước phù hợp với chức năng nhiệm vụ hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được liên doanh, liên kết với các tổ chức

trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, nhằm huy động vốn, nhân lực và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

6. Tài sản của cơ sở thực hiện xã hội hóa bao gồm tài sản của cá nhân, tập thể, tài sản của các cơ sở sự nghiệp công lập tham gia góp vốn khi thành lập và phần tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động; trong đó tài sản được hiến, tặng hoặc viện trợ không hoàn lại trong quá trình hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chia cho cá nhân, chỉ sử dụng chung cho lợi ích của cơ sở và cộng đồng.

7. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ngừng hoạt động, phải giải thể thì thực hiện trình tự, thủ tục giải thể, xử lý tài sản, tài chính theo quy định của pháp luật về giải thể doanh nghiệp.

IV. Cho thuê nhà, xây dựng cơ sở vật chất thực hiện Điều 5 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn cụ thể như sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được ưu tiên thuê nhà, cơ sở hạ tầng để cung cấp các sản phẩm dịch vụ trong lĩnh vực xã hội hóa phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của địa phương và của Nhà nước.

a) Căn cứ vào quỹ nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tạo điều kiện, khuyến khích các cơ quan có liên quan đầu tư, cải tạo nâng cấp quỹ nhà, cơ sở hạ tầng thuộc Nhà nước quản lý, để chuyển giao cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê dài hạn với giá ưu đãi.

b) Căn cứ vào quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét quyết định việc xây dựng mới nhà, cơ sở hạ tầng để cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê dài hạn với giá ưu đãi.

2. Giá cho thuê ưu đãi đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa được xác định cụ thể như sau:

Mức giá cho thuê ưu đãi tối đa không bao gồm tiền thuê đất, tiền đền bù giải phóng mặt bằng (nếu có) và lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng theo dự án được duyệt. Đơn giá cho thuê nhà, cơ sở hạ tầng đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định cụ thể phù hợp với thực tế tại địa phương, cụ thể:

a) Đối với nhà, cơ sở hạ tầng hiện có, giá cho thuê được xác định trên cơ sở đánh giá lại tài sản theo quy định hiện hành về quản lý tài sản.

b) Đối với nhà, cơ sở hạ tầng đầu tư xây dựng mới được xác định bằng giá xây dựng (bao gồm cả thuế của đơn vị xây dựng), không bao gồm tiền thuê đất, đền bù giải phóng mặt bằng, tiền lãi của cơ sở kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương ban hành quy định về việc hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ tiền lãi đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê. Mức lãi này được tính tương đương mức lãi suất cho vay kỳ hạn 1 năm của

Ngân hàng đầu tư và phát triển trên địa bàn và giá trị sửa chữa, xây dựng mới để cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê.

Căn cứ để hỗ trợ tiền lãi cho cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định.

3. Hồ sơ, thủ tục để được xét hưởng ưu đãi thuê nhà, cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu Nhà nước theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tạo điều kiện thuận lợi về các thủ tục hành chính, cấp giấy phép xây dựng và các thủ tục liên quan khác để các cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất theo quy hoạch.

5. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa xây dựng nhà, cơ sở vật chất nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã được xây dựng cơ sở hạ tầng phải nộp chi phí xây dựng hạ tầng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào khả năng của ngân sách địa phương ban hành quy định về việc hỗ trợ một phần chi phí xây dựng hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Hồ sơ, thủ tục để được xem xét hỗ trợ chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng cho cơ sở thực hiện xã hội hóa theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

V. Giao đất, cho thuê đất quy định tại Điều 6 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn như sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét quyết định giao đất hoặc cho thuê đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình xã hội hóa theo các hình thức: Giao đất không thu tiền sử dụng đất; cho thuê đất và miễn tiền thuê đất; giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất trong thời hạn được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với đất đô thị, đất ở Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ vào tình hình cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương ban hành quy định cụ thể chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền thuê đất cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa; đồng thời quy định việc thực hiện chế độ miễn, giảm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp chủ đầu tư đã ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư dự án xã hội hóa theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt (kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành) thì số kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư đã đầu tư đối với diện tích đất phục vụ hoạt động xã hội hóa sẽ được Ngân sách nhà nước hoàn trả. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định cụ thể, công khai thủ tục, thời gian hoàn trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho các chủ đầu tư dự án xã hội hóa.

2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện theo quy định miễn giảm tiền sử dụng đất); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc giao đất, cho thuê đất cho chủ đầu tư dự án xã hội hóa theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

Trong trường hợp này cơ sở thực hiện xã hội hóa được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; được tính giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền thuê đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền một lần theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

3. Trường hợp cơ sở công lập, bán công chuyển đổi sang loại hình cơ sở thực hiện xã hội hóa nếu đáp ứng các điều kiện được hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa được quy định tại mục II của Thông tư này thì được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định được tiếp tục sử dụng diện tích đất đang sử dụng dưới các hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, hoặc giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, hoặc cho thuê đất theo hướng dẫn tại Điểm 1 và Điểm 2 mục V Thông tư này.

Trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai. Đối với đất không đưa vào sử dụng, hoặc sử dụng không đúng mục đích cơ sở phải trả lại cho nhà nước.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải sử dụng đất đúng mục đích và phù hợp với quy hoạch; trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích thì cơ sở thực hiện xã hội hóa bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai, đồng thời phải nộp ngân sách nhà nước toàn bộ tiền thuê đất được miễn theo giá đất tại thời điểm bị thu hồi đối với thời gian sử dụng không đúng mục đích, và phải nộp ngân sách nhà nước những khoản cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được ưu đãi theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng miễn thu tiền thuê đất phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Đất đai; Không được tính giá trị quyền sử dụng đất đang sử dụng vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và không được dùng đất để thế chấp làm tài sản vay vốn.

6. Cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chuyển nhượng đất đã được nhà nước giao để thực hiện dự án xã hội hóa. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển nhượng cơ sở thực hiện xã hội hóa thì phải bảo đảm việc chuyển nhượng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Trong trường hợp này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh,

thành phố trực thuộc trung ương thực hiện việc thu hồi lại đất đã giao cho chủ đầu tư cũ để giao đất hoặc cho thuê đất đối với chủ đầu tư mới theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

VI. Về thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện Điều 8 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn như sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động.

2. Đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa có nhiều loại hình kinh doanh khác nhau phải tổ chức hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động xã hội hóa để được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Điểm 1 Mục VI này. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa quy định tại Điểm 1 Mục I của Thông tư này thì phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật. Phương pháp tính thuế Thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hoá phải thực hiện kê khai nộp thuế theo đúng quy định của pháp luật về thuế, và thực hiện xuất hoá đơn đối với các khoản thu từ hoạt động xã hội hoá theo đúng quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng hoá đơn. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo các chế tài của pháp luật về thuế hiện hành.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa thành lập mới kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 05 năm tiếp theo.

Cơ sở thực hiện xã hội hoá thành lập mới từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành tại các địa bàn ưu đãi đầu tư quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ và cơ sở thực hiện xã hội hoá thành lập mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 tại địa bàn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp ban hành kèm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp thì được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong suốt thời gian hoạt động, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa thành lập trước ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại kể từ năm tính thuế 2008 như sau:

+ Nếu thời gian hưởng ưu đãi theo quy định trước đây vẫn còn thì tiếp tục được hưởng ưu đãi theo nguyên tắc khoảng thời gian ưu đãi còn lại bằng số năm doanh nghiệp được hưởng miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư

này trừ (-) đi số năm cơ sở đã hưởng miễn thuế, giảm thuế theo các văn bản quy phạm pháp luật trước đây như sau:

- Đến hết kỳ tính thuế năm 2007, cơ sở đang trong thời gian được miễn thuế thì số năm miễn thuế còn lại bằng số năm miễn thuế theo quy định của Thông tư này trừ (-) số năm cơ sở đã được miễn thuế đến hết kỳ tính thuế năm 2007, đồng thời được hưởng toàn bộ thời gian giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này.

- Đến hết kỳ tính thuế năm 2007, cơ sở vừa hết thời gian được miễn thuế thì được hưởng toàn bộ số năm giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này.

- Đến hết kỳ tính thuế năm 2007, cơ sở đang trong thời gian giảm thuế thì số năm giảm thuế còn lại bằng số năm giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này trừ (-) số năm cơ sở đã được giảm thuế đến hết kỳ tính thuế năm 2007.

+ Đến hết kỳ tính thuế năm 2007, cơ sở đã hết thời gian miễn thuế, giảm thuế thì không thuộc diện hưởng miễn thuế, giảm thuế theo hướng dẫn tại Thông tư này.

6. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại khoản 4 Mục này được tính liên tục từ năm đầu tiên cơ sở có thu nhập chịu thuế từ hoạt động xã hội hoá được hưởng ưu đãi thuế; Trường hợp cơ sở không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

Thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế đối với cơ sở thực hiện xã hội hoá thành lập mới trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 xác định như sau:

- Đến hết kỳ tính thuế 2008 chưa có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư;

- Đến hết kỳ tính thuế 2008 đã có doanh thu nhưng chưa đủ 3 năm, kể từ khi có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm đầu kể từ năm đầu tiên có doanh thu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

- Đến hết kỳ tính thuế 2008 đã có doanh thu từ 3 năm trở lên thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm tính thuế 2009.

VII. Về chính sách ưu đãi tín dụng thực hiện Điều 9 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn như sau:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi, đối tượng, điều kiện quy định tại Mục I, Mục II của Thông tư này được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước (Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và văn

bản hướng dẫn của Bộ Tài chính).

VIII. Về chính sách huy động vốn thực hiện Điều 10 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn như sau:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được phép huy động vốn của các tổ chức kinh tế, cá nhân để đầu tư phát triển cơ sở vật chất và có trách nhiệm sử dụng, hoàn trả vốn huy động theo thoả thuận. Khoản chi trả lãi huy động dưới hình thức vốn vay được hạch toán vào chi phí của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa được phép huy động vốn dưới dạng góp cổ phần, vốn góp từ người lao động trong đơn vị, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác thông qua hợp tác, liên kết với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức tài chính, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất. Phần trả cổ tức, chia lãi dưới hình thức góp cổ phần, liên doanh liên kết được lấy từ lợi nhuận sau thuế của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Lãi suất huy động vốn vay, lãi chia từ hoạt động góp vốn cổ phần, liên doanh, liên kết do cơ sở thực hiện xã hội hóa thỏa thuận với tổ chức góp vốn theo quy định của pháp luật và phải được ghi trong khế ước hoặc hợp đồng huy động vốn.

2. Trách nhiệm sử dụng và hoàn trả vốn huy động:

Việc huy động vốn cần được tính toán, cân nhắc kỹ về hiệu quả kinh tế. Vốn huy động phải sử dụng đúng mục đích đã cam kết với tổ chức, cá nhân tham gia góp vốn. Vốn huy động phải được quản lý chặt chẽ, đầu tư có hiệu quả. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết khi huy động vốn.

Chủ tịch Hội đồng quản trị (hay Hội đồng trường) hoặc Thủ trưởng (đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa không có Hội đồng quản trị) chịu trách nhiệm phê duyệt phương án huy động vốn. Nếu phương án huy động vốn không có hiệu quả dẫn đến tổn thất tài sản, thua lỗ thì Chủ tịch Hội đồng quản trị (hay Hội đồng trường), Thủ trưởng cơ sở thực hiện xã hội hóa phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

IX. Xử lý tài sản trên đất khi chuyển đổi các hình thức hoạt động quy định tại Điều 13 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Xử lý tài sản trên đất khi các cơ sở công lập, bán công được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển sang loại hình ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp) như sau:

a) Khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền cho phép cơ sở công lập, bán công chuyển đổi hình thức hoạt động sang cơ sở ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp) thì đơn vị phải tiến hành kiểm kê toàn bộ tài sản. Đánh giá lại giá trị tài sản theo quy định của pháp luật tại thời điểm kiểm kê; lập phương án xử lý tài sản báo cáo cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp để tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính (đối với tài sản thuộc cơ quan do trung ương quản lý), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành phố trực thuộc trung ương (đối với tài sản thuộc cơ quan do địa

phương quản lý).

Phương án xử lý tài sản phải báo cáo đầy đủ số lượng và giá trị tài sản hiện có; nhu cầu sử dụng tài sản; số lượng tài sản bán cho cơ sở ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp); tài sản cho cơ sở ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp) thuê; tài sản chuyển giao hoặc trả lại cho nhà nước.

b) Phương pháp đánh giá lại giá trị tài sản như sau:

- Đối với những tài sản mới mua hoặc mới lắp đặt, xây dựng xong đưa vào sử dụng là tài sản có thời gian tính từ ngày mua, lắp đặt đưa vào sử dụng đến ngày đơn vị được phê duyệt chuyển sang loại hình ngoài công lập dưới 1 năm (12 tháng), giá trị đánh giá lại được căn cứ vào giá mua thực tế trên hoá đơn được cấp có thẩm quyền chấp nhận thanh toán, giá lắp đặt, xây dựng mới theo quyết toán công trình được duyệt, hoặc quyết toán hoàn thành các hạng mục công trình (đối với công trình dở dang).

- Đối với những tài sản đã sử dụng lâu là tài sản có thời gian tính từ ngày mua, lắp đặt đưa vào sử dụng đến ngày đơn vị được phê duyệt chuyển sang loại hình ngoài công lập lớn hơn hoặc bằng 1 năm (12 tháng), khi đánh giá phải xác định lại giá trị tài sản theo giá tại thời điểm có quyết định đánh giá; việc xác định giá trị tài sản được căn cứ vào chất lượng còn lại của từng tài sản và đơn giá thực tế mua mới tài sản đó tại thời điểm và địa điểm đánh giá.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{của từng tài sản} \\ \text{(đồng)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tỷ lệ \% chất lượng} \\ \text{còn lại của từng loại} \\ \text{tài sản} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá mua hoặc giá xây} \\ \text{dựng mới của từng tài sản} \\ \text{tại thời điểm đánh giá} \\ \text{(đồng)} \end{array}$$

+ Tỷ lệ chất lượng còn lại của từng tài sản được xác định căn cứ vào tài sản, thời gian sử dụng và thời gian đã sử dụng của từng tài sản đó để xác định. Riêng đối với nhà cửa và vật kiến trúc thực hiện theo quy định tại phần II Thông tư Liên Bộ Xây dựng - Tài chính - Vật giá Chính phủ số 13/LB-TT ngày 18/8/1994.

+ Giá mua của tài sản là giá của loại tài sản cùng loại hoặc tương đương được bán trên thị trường tại thời điểm đánh giá.

Giá xây dựng mới của nhà cửa công trình xây dựng được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá xây dựng mới} \\ \text{của nhà cửa công} \\ \text{trình xây dựng} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Đơn giá } 1\text{m}^2 \text{ xây} \\ \text{dựng mới} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Diện tích xây dựng của nhà} \\ \text{cửa, công trình xây dựng} \end{array}$$

Đơn giá 1m^2 xây dựng mới được áp dụng theo bảng giá chuẩn đơn giá xây dựng để duyệt quyết toán cho những công trình tương tự cùng loại tại thời điểm và địa điểm đánh giá theo hướng dẫn của cơ quan quản lý xây dựng.

- Tổng giá trị còn lại của toàn bộ tài sản phải đánh giá là giá trị còn lại của từng tài sản cộng lại.

2. Trường hợp tài sản của nhà nước đầu tư được bán cho cơ sở ngoài công

lập (hoặc doanh nghiệp) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền được thực hiện như sau:

a) Căn cứ vào kết quả đánh giá lại giá trị tài sản do các tổ chức có chức năng định giá tài sản Nhà nước thực hiện, và báo cáo của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) gửi đến, Thủ trưởng các Bộ, cơ quan đoàn thể Trung ương quyết định bán tài sản của Nhà nước cho các cơ sở ngoài công lập sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Tài chính (đối với tài sản thuộc cơ quan do trung ương quản lý). Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định bán tài sản của nhà nước cho cơ sở ngoài công lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (đối với tài sản thuộc cơ quan do địa phương quản lý).

b) Thủ tục bán tài sản Nhà nước như sau:

- Thành lập Hội đồng bán tài sản Nhà nước:

Thủ trưởng các Bộ, cơ quan đoàn thể Trung ương, hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập Hội đồng bán, thanh lý tài sản Nhà nước cho cơ sở ngoài công lập. Thủ trưởng cơ quan cấp trên trực tiếp làm chủ tịch Hội đồng cùng với các thành viên:

+ Đại diện của Sở Tài chính (Đối với tài sản thuộc cơ quan do địa phương quản lý).

+ Thủ trưởng và đại diện bộ phận kế toán, tài vụ của cơ quan quản lý tài sản.

+ Đại diện bộ phận, phòng ban trực tiếp quản lý tài sản.

+ Chuyên gia có hiểu biết về đặc điểm, tính năng kỹ thuật của tài sản được bán.

- Tổ chức việc bán tài sản của Nhà nước cho cơ sở ngoài công lập.

Sau khi hoàn thành việc bán tài sản của nhà nước cho cơ sở ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp), cơ quan trực tiếp quản lý tài sản và cơ quan chủ quản được ghi giảm tài sản và giá trị tài sản theo đúng số lượng, giá trị hạch toán trên sổ sách kế toán tại thời điểm bán hoặc thanh lý tài sản.

c) Toàn bộ tiền bán tài sản sau khi trừ đi các chi phí cho công tác bán tài sản theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành được xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tài sản do nhà nước đầu tư, cho cơ sở ngoài công lập thuê lại được tổ chức thực hiện như sau:

- Tất cả tài sản của nhà nước cho cơ sở ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp) thuê lại được quản lý theo chế độ quản lý tài sản của nhà nước. Tài sản do nhà nước quản lý cho cơ sở ngoài công lập thuê được chuyển giao cho tổ chức của nhà nước có chức năng cho thuê tài sản của nhà nước, hoặc cơ quan tài chính cùng cấp (đối với nơi không có tổ chức cho thuê tài sản của nhà nước) để quản lý và cho cơ sở ngoài công lập thuê.

- Cơ sở ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp) thực hiện ký hợp đồng thuê tài sản nhà nước đối với tổ chức của nhà nước có chức năng cho thuê tài sản

nhà nước, hoặc cơ quan tài chính cùng cấp (đối với nơi không có tổ chức cho thuê tài sản của nhà nước). Thanh toán trả tiền thuê tài sản hàng năm theo hợp đồng đã ký và thực hiện việc xử lý tiền cho thuê theo quy định của pháp luật.

- Giá cho thuê tài sản được xác định theo giá trị do các tổ chức có chức năng định giá tài sản nhà nước đánh giá lại tại thời điểm chuyển giao, thời gian sử dụng còn lại của từng loại tài sản để xác định giá cho thuê và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định (đối với tài sản của các cơ sở do địa phương quản lý); do Bộ Tài chính quyết định (đối với tài sản của các đơn vị thuộc Bộ, ngành Trung ương quản lý) trên cơ sở đề nghị của Bộ, ngành quản lý tài sản.

Tài sản của nhà nước cho cơ sở ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp) thuê, nếu hết thời gian thuê theo hợp đồng đã ký mà cơ sở ngoài công lập không còn nhu cầu thuê tiếp, hoặc trong thời gian hợp đồng thuê còn hiệu lực mà sử dụng sai mục đích như: chuyển giao, chuyển nhượng cho đơn vị khác thuê lại sử dụng mà chưa được cơ quan ký hợp đồng cho thuê đồng ý, thì cơ quan ký hợp đồng cho thuê thực hiện thu hồi tài sản và không được bồi thường. Trong quá trình sử dụng nếu tài sản bị hư hỏng không sửa chữa được, hoặc đã hết thời hạn không còn sử dụng được thì cơ sở ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp) phải có văn bản đề nghị cơ quan quản lý tài sản xử lý bán, hoặc thanh lý theo quy định hiện hành.

4. Thủ tục và trình tự chuyển đổi cơ sở công lập, bán công sang loại hình ngoài công lập (hoặc doanh nghiệp) của từng lĩnh vực theo hướng dẫn của các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

X. Nguồn thu của cơ sở thực hiện xã hội hóa quy định tại Điều 14 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn như sau:

1. Trên cơ sở các khoản thu được quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, cơ sở thực hiện xã hội hóa chủ động quản lý sử dụng nguồn thu, đảm bảo thực hiện chính sách xã hội đối với các đối tượng chính sách theo quy định của Nhà nước.

2. Đối với các khoản thu phí, lệ phí, khoản thu từ hoạt động cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác, thu từ lãi được chia từ các hoạt động liên doanh, liên kết; lãi từ tiền gửi ngân hàng, trái phiếu cơ sở ngoài công lập phải theo dõi chặt chẽ và ghi chép vào sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật.

3. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được tự quyết định mức thu và phải công khai mức thu trên cơ sở đảm bảo trang trải chi phí cần thiết cho quá trình hoạt động và có tích lũy để đầu tư phát triển.

4. Đối với kinh phí do ngân sách nhà nước cấp (nếu có), cơ sở thực hiện xã hội hóa phải theo dõi riêng và quyết toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện, cụ thể:

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước đặt hàng.
- Kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.
- Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo bồi dưỡng người lao động.
- Các khoản tài trợ, hỗ trợ lãi suất.
- Khoản kinh phí khác.

5. Đối với các khoản thu từ viện trợ, tài trợ, quà biếu, tặng phải được theo dõi và công khai theo điều lệ hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

XI. Phân phối kết quả tài chính của cơ sở thực hiện xã hội hóa quy định tại Điều 15 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn như sau:

1. Căn cứ vào kết quả hoạt động tài chính hàng năm, thu nhập của cơ sở thực hiện xã hội hóa sau khi đã trang trải các khoản chi phí, chi trả lãi vay, nộp đủ thuế cho ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật được phân phối để trích lập các quỹ và chia lãi cho các thành viên góp vốn.

2. Nội dung các khoản chi và mức chi do cơ sở thực hiện xã hội hóa tự quyết định và chịu trách nhiệm, nhưng phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước đối với các khoản chi phí hợp lệ để làm căn cứ xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở ngoài công lập. Các nội dung chi phải được theo dõi, phản ánh đầy đủ trên sổ sách kế toán của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

3. Việc trích lập các quỹ, mức chi trả thu nhập cho người lao động và chia lãi cho các thành viên góp vốn do Hội đồng Quản trị (hay Hội đồng trường) hoặc Thủ trưởng (đối với cơ sở không có Hội đồng quản trị) cơ sở thực hiện xã hội hóa quyết định phù hợp với Điều lệ tổ chức hoạt động của cơ sở.

XII. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa quy định tại Điều 16 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa phải đăng ký với cơ quan thuế khi hoạt động. Định kỳ hàng quý và hàng năm lập báo cáo hoạt động nghiệp vụ chuyên môn gửi cơ quan quản lý ngành (cơ quan cấp phép hoạt động). Báo cáo hoạt động tài chính gửi cơ quan quản lý ngành và cơ quan tài chính cùng cấp.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải tuân thủ theo điều lệ hoạt động, bảo đảm các điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ, nhân lực, cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật để cung cấp cho xã hội các sản phẩm, dịch vụ đạt yêu cầu, tiêu chuẩn về nội dung và chất lượng.

3. Hàng năm, các cơ sở thực hiện xã hội hóa phải thực hiện công khai hoạt động của cơ sở và công khai tình hình hoạt động tài chính. Hội đồng Quản trị (hay Hội đồng trường) hoặc Thủ trưởng (đối với cơ sở không có Hội đồng quản trị) cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện công khai theo điều lệ hoạt động của cơ sở ngoài công lập. Đặc biệt cần công khai các nội dung sau:

- Công khai mức thu phí, lệ phí.
- Công khai mức hỗ trợ và số tiền ngân sách nhà nước hỗ trợ cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.
- Công khai các khoản đóng góp cho ngân sách nhà nước của cơ sở thực

hiện xã hội hóa.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa do tổ chức, cá nhân thành lập phải đăng ký nội dung hoạt động chuyên môn với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở địa phương và hoạt động theo quy định của pháp luật. Đăng ký hoạt động với cơ quan thuế để làm căn cứ ưu đãi hoặc tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê; thực hiện kiểm toán hàng năm và công khai kết quả kiểm toán theo quy định của pháp luật.

XIII. Nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa quy định tại Điều 17, 18 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP, được hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Các Bộ, ngành phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo ngành, lĩnh vực và địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng quy hoạch, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành về đất đai; có trách nhiệm công bố công khai trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 về quy hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa.

2. Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương giao nhiệm vụ cho cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực bố trí cán bộ theo dõi, quản lý cơ sở thực hiện xã hội hóa để giúp Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Định kỳ hàng quý và hàng năm, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực lập báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Bộ, ngành quản lý theo từng lĩnh vực.

Định kỳ tháng 1 hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập báo cáo tình hình thực hiện các chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa của địa phương theo từng lĩnh vực và gửi các Bộ quản lý chuyên ngành để tổng hợp. Định kỳ tháng 2 hàng năm, các Bộ quản lý chuyên ngành báo cáo đánh giá tình hình thực hiện xã hội hóa thuộc phạm vi quản lý, tổng hợp tình hình thực hiện xã hội hóa của toàn ngành và gửi về Bộ Tài chính để Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Cơ quan quản lý ngành đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình hoạt động của các cơ sở thực hiện xã hội hóa gửi Tổng cục Thống kê (nếu cơ sở do Trung ương thành lập) và Cục Thống kê địa phương (nếu cơ sở do địa phương thành lập).

3. Cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành ở trung ương và địa phương phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra kiểm tra chất lượng sản phẩm, dịch vụ, xử lý vi phạm đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa trong

quá trình hoạt động.

4. Các cơ sở thực hiện xã hội hóa hoạt động có sai phạm nghiêm trọng phải đình chỉ hoạt động. Cấp nào cấp giấy phép hoạt động cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thì cấp đó quyết định đình chỉ hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Cơ quan ra quyết định đình chỉ, giải thể các cơ sở thực hiện xã hội hóa phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa.

b) Giao nhiệm vụ cho tổ chức phát triển quỹ đất hoặc đơn vị nhà nước của địa phương thực hiện công tác giải phóng mặt bằng trước khi giao đất, cho thuê đất theo quy hoạch cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

Tổ chức phát triển quỹ đất hoặc đơn vị nhà nước được giao nhiệm vụ này của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với đất phục vụ hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa do Ngân sách nhà nước đảm bảo.

Ngân sách trung ương thực hiện cơ chế hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách địa phương có khó khăn, phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương để thực hiện nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Mức hỗ trợ bằng 70% đối với các tỉnh miền núi; 50% đối với các tỉnh còn lại. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc sử dụng nguồn thu sử dụng đất, nguồn thu xổ số đã được để lại, nguồn ngân sách địa phương để đảm bảo phần kinh phí còn lại.

Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt kế hoạch bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Trong đó, dự kiến tổng số kinh phí thực hiện, số kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định gửi Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định trong phương án phân bổ dự toán ngân sách trung ương hàng năm.

Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có tỷ lệ điều tiết các khoản thu về ngân sách trung ương chủ động bố trí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với quỹ đất phục vụ hoạt động xã hội hóa.

c) Chỉ đạo, phân công các cơ quan liên quan thực hiện việc đấu thầu dự án cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

d) Công bố công khai quy trình, thủ tục giải quyết việc giao đất, cho thuê đất đối với cơ sở thực hiện xã hội hóa.

đ) Khi xây dựng hoặc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phải đảm bảo bố trí quỹ đất dành cho hoạt động xã hội hóa; khi xây dựng quy hoạch, quyết định phê duyệt quy hoạch phát triển các khu đô thị mới, khu công nghiệp phải dành quỹ đất theo quy hoạch để đầu tư xây dựng phát triển các cơ sở thực hiện xã hội hóa.

e) Thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa về việc quản lý sử dụng đất đai đúng mục tiêu, hiệu quả; thực hiện xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

f) Căn cứ hướng dẫn cụ thể của Thông tư này và các văn bản hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành theo quy định tại Khoản 10 Điều 17 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ban hành chế độ quy định ưu đãi cụ thể về giao đất, cho thuê đất, mức hỗ trợ kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng đối với các dự án xã hội hóa... phù hợp với quy mô, hình thức hoạt động, loại hình cơ sở thực hiện xã hội hóa; phù hợp với yêu cầu phát triển của từng lĩnh vực ở địa phương và bố trí nguồn kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ các cơ sở thực hiện xã hội hóa vào dự toán ngân sách địa phương hàng năm.

- Những chế độ chính sách do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định ưu đãi tại Mục IV; Mục V và Mục VII của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần báo cáo xin ý kiến Hội đồng nhân dân trước khi ban hành.

g) Chỉ đạo cơ quan thuế ở địa phương cấp mã số thuế cho cơ sở thực hiện xã hội hóa, báo cáo tình hình ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP theo quy định.

XIV. Tổ chức thực hiện:

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây về chính sách khuyến khích xã hội hóa thuộc các lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề; y tế; văn hóa; thể dục thể thao; môi trường trái với quy định tại Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Các cơ sở ngoài công lập thuộc các lĩnh vực quy định tại Điểm 1 Mục I của Thông tư này được thành lập theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999; Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ, có đủ điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hóa theo quy định tại Thông tư này, đăng ký với cơ quan cấp phép hoạt động và cơ quan thuế để được hưởng các chính sách ưu đãi theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Các cơ sở ngoài công lập thuộc các lĩnh vực quy định tại Điểm 1 Mục I của Thông tư này được thành lập theo Nghị định số 73/1999/NĐ-CP ngày 19

tháng 8 năm 1999; Nghị định số 53/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Chính phủ, không đủ điều kiện hưởng chính sách khuyến khích phát triển xã hội hoá theo quy định tại Thông tư này, thì chấm dứt được hưởng chính sách ưu đãi về xã hội hoá kể từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

Các tổ chức, cá nhân thành lập hoạt động theo Luật Doanh nghiệp đang có các dự án độc lập hoạt động trong lĩnh vực xã hội hóa thuộc danh mục quy định của Thủ tướng Chính phủ đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ quan thuế để được hưởng các chính sách ưu đãi theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc đề nghị các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh phản ánh về Bộ Tài chính để kịp thời giải quyết./.

Nơi nhận: *Hand*

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCD TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- BQL KKTCKQT Bờ Y;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính các tỉnh, TP
- Công báo; Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính
- Các Vụ: CST, NSNN, PC, TCNH, Cục QLCS, Tổng cục thuế;
- Lưu VT, Vụ HCSN

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Hand
Phạm Sỹ Danh